TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/DS-ST
Ngày: 28 - 4 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Cao Viết Xuân Hòa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2026/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam) (viết tắt Công ty T); địa chỉ trụ sở chính: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Tuyết L, sinh năm 2002; địa chỉ liên hệ: P, Tầng D, Tòa nhà số G đường T, Khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 81 ngày 03/02/2026), có đơn vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1986; địa chỉ: Số E đường P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 08/01/2025 Công ty T ký Hợp đồng tín dụng số: 6215419 về việc cấp tín dụng cho ông Trần Thanh V với khoản vay trị giá 23.540.000 đồng, mức lãi suất:

49%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Trần Thanh V. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Trần Thanh V có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 10/02/2025 đến ngày 10/01/2026.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 14/3/2025, ông Trần Thanh V đã thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà Công ty T đã giải ngân.

Công ty T đã liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Trần Thanh V thực hiện nghĩa vụ thanh toán; đồng thời, gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán để thông báo cho ông V biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, Ông Trần Thanh V vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho Công ty T.

Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, cụ thể là không thanh toán đúng hạn số tiền theo quy định của Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty T.

Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Trần Thanh V thanh toán toàn bộ khoản vay tạm tính đến ngày 02/10/2025 như sau: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.376.868 đồng; số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 3.934.511 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 2.143.204 đồng; số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 117.447 đồng. Tổng số tiền ông V phải thanh toán là: 26.572.030 đồng. Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn bà Phan Tuyết L giao nộp cho Tòa án Bản gốc lãi tính ngày 28/4/2026, tổng số tiền là: 35.301.467 đồng (ba mươi lăm triệu, ba trăm lẻ một ngàn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 20.376.868 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.898.184 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.640.333 đồng, lãi chậm trả tính trên lãi trong hạn chưa thanh toán là 386.082 đồng và lãi phát sinh từ ngày 29/4/2026 đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay trên.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông V.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Công ty T là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do bị đơn có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện, do bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện, vì vậy Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của đại diện nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, phù hợp Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho ông Trần Thanh V đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty T nhưng ông V không đến. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi kết thúc phiên họp, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho ông V biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định nhưng ông V không có ý kiến phản bác lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa căn cứ lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[4.1] Xét Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 6215419 ngày 08/01/2025, giữa Công ty T và ông Trần Thanh V, thấy rằng:

Về hình thức và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, các bên giao kết hợp đồng tự nguyện, bình đẳng, phù hợp khoản 4 Điều 4, Điều 112, Điều 113 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 3, 16, 17, 18, 19, 20, 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động tài chính của Công ty T và Công ty cho thuê tài chính; khoản 18, 19 Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng nên phát sinh hiệu lực.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng nêu trên là loại hợp đồng vay tín chấp, có kỳ hạn, có lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V không thanh toán tiền nợ gốc và lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định trong hợp đồng đã được hai bên ký kết. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu ông V trả nợ là hoàn toàn chính đáng, phù hợp Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên tòa chấp nhận.

[4.2] Xét lãi suất và tiền lãi:

Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng (nay là khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024) và Điều 13, 14 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N thì Công ty T và ông V được quyền thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả khi ký kết hợp đồng tín dụng.

Đối chiếu các quy định pháp luật nêu trên, xét thấy thỏa thuận về mức lãi suất cho thuê tài chính, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trong hợp đồng giữa Công ty T và ông V không trái pháp luật. Công ty T đã tính đúng số tiền lãi theo quy định pháp luật và thỏa thuận giữa các bên nên Tòa chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông V phải chịu trên số tiền nợ phải trả cho Công ty T. Công ty T đươc nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 và các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn ông Trần Thanh V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Về tiền nợ: Buộc ông Trần Thanh V có trách nhiệm trả cho Công ty T tính đến ngày 28/4/2026 như sau: Tổng số tiền là: 35.301.467 đồng (ba mươi lăm triệu, ba trăm lẻ một ngàn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 20.376.868 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.898.184 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.640.333 đồng, lãi chậm trả tính trên lãi trong hạn chưa thanh toán là 386.082 đồng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 6215419 ngày 08/01/2025, giữa Công ty T và ông Trần Thanh V.

Tiền lãi kể từ ngày 29/4/2025 trở đi được tiếp tục tính theo thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 6215419 ngày 08/01/2025, giữa Công ty T và ông Trần Thanh V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ C số tiền 1.765.000đ (một triệu, bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Công ty T được nhận lại số tiền 664.301đ (sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, ba trăm lẻ một đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002664, ngày 09/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM (CS2)
- VKSND KV15 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TAND KHU VỰC 15

ZMY280426.TL.QDBA
1600

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình